

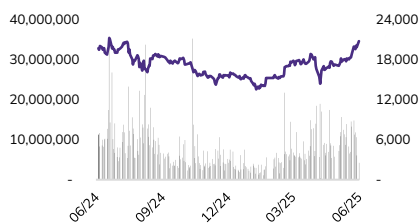
Phạm Hồng Trường

Email: truong.phamhong@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Bất động sản
Ngày báo cáo	: 02/06/2025
Giá hiện tại (VND/CP)	: 20.400
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 13.598
SLCPLH (CP)	: 668.215.843

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	FY23	FY24
Tăng trưởng DTT (%)	81,7%	22,7%
Tăng trưởng LNST (%)	202%	14,9%
Biên LNG (%)	40,2%	38,5%
Biên LNST (%)	19,6%	18,3%
ROA (%)	5,2%	5,7%
ROE (%)	6,2%	6,6%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,00	0,02
EPS (VND/CP)	1.113	1.279
BVPS (VND/CP)	18.607	20.126

Nguồn: TCH, ABS Research

(*) TCH áp dụng niên độ tài chính (NĐTC) từ 01/04 – 31/03

Quỹ dự án giá trị tại Hải Phòng

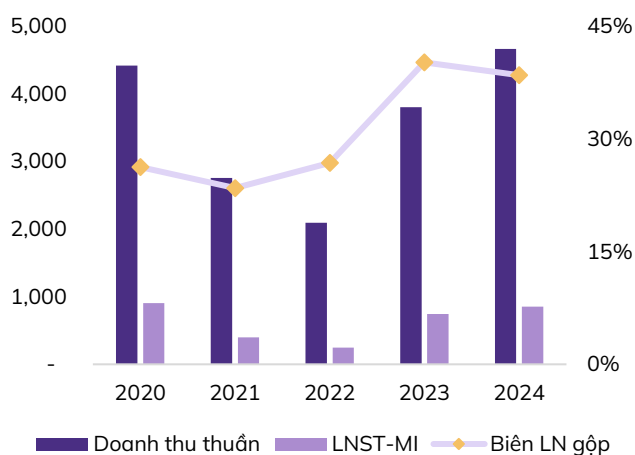
- KQKD Q4/NĐTC 2024 thấp so với mức nền cao cùng kỳ.** Doanh thu thuần Q4/NĐTC 2024 của TCH đạt 859 tỷ đồng (-47% svck và -45% QoQ) và LNST của cổ đông Công ty mẹ đạt 188 tỷ đồng (-54% svck và -39% QoQ). KQKD sụt giảm này do mức nền cao của Q4/NĐTC 2023 khi doanh nghiệp tập trung bàn giao số lượng lớn sản phẩm tại các dự án Hoàng Huy New City (GĐ1), Hoàng Huy Commerce (H1). Hiện tại doanh nghiệp đang đẩy mạnh triển khai các dự án BĐS để tiếp tục mở bán và bàn giao trong giai đoạn tiếp theo như Hoàng Huy Commerce (H2); Hoàng Huy New City (GĐ2); Hoàng Huy Green River, ...
- Lũy kế cả NĐTC 2024, KQKD duy trì sự tích cực.**
 - KQKD năm tài chính 2024 của TCH theo BCTC chưa kiểm toán ghi nhận doanh thu thuần đạt 4,7 nghìn tỷ đồng (+23% svck), LNST của Cổ đông công ty mẹ đạt 855 tỷ đồng (+15% svck). Như vậy, năm tài chính 2024, TCH đã hoàn thành 187% kế hoạch doanh thu và 140% kế hoạch lợi nhuận. KQKD năm 2024 tiếp tục tích cực nhờ mảng BĐS, doanh nghiệp tập trung bàn giao các sản phẩm còn lại tại dự án Hoàng Huy New City (GĐ1), Hoàng Huy Commerce (H1).
 - Doanh thu tài chính NĐTC 2024 của TCH cũng giảm mạnh so với cùng kỳ khi đạt 139 tỷ đồng (-62% svck) do lãi tiền gửi và cho vay giảm. Tuy nhiên, đồng thời, chi phí tài chính cũng giảm mạnh về 9 tỷ (-76% svck), không ghi nhận chi phí lãi vay phục vụ hoạt động thông thường – toàn bộ lãi vay đã được vốn hóa vào giá trị dự án BĐS.
 - Ngoài ra, trong kỳ, chi phí QLDN tăng mạnh lên hơn 160 tỷ (gấp 2,2 lần svck) chủ yếu do khoản tổn thất và phân bổ lợi thế thương mại 59 tỷ và chi phí QLDN khác (không thuyết minh cụ thể trên BCTC) 46 tỷ. Đồng thời chi phí khác ở mức 107 tỷ (tăng mạnh so với 6 tỷ NĐTC 2023) liên quan đến vụ việc UBND Quận Lê Chân (TP Hải Phòng) đã có Quyết định thu hồi đất với CTCP Đầu tư Tô Hiệu (công ty con của TCH). Theo đó, TCH phải ghi giảm lợi thế thương mại liên quan đến khoản đầu tư này.
- Mảng BĐS tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong hoạt động kinh doanh.** Mảng BĐS trong NĐTC 2024 chiếm 84% cơ cấu doanh thu của TCH (tăng từ giai đoạn 2018 – 2019 khi chỉ ở mức 6%), trong khi mảng kinh doanh ô tô chỉ còn đóng góp 13% (so với mức 90% năm 2018). Tương tự, lợi nhuận gộp của mảng BĐS cũng đóng góp phần lớn vào lợi nhuận gộp của TCH. Với biên lợi nhuận cao, trung bình đạt trên 40% (so với mảng ô tô từ 10-20%) giúp biên lợi nhuận chung của doanh nghiệp cải thiện, đạt khoảng 40% trong giai đoạn 2023 – 2024.
- Lượng tiền cao, nợ vay tăng nhưng vẫn ở mức thấp.** Tại 31/03/2025 (cuối Q4/NĐTC 2024), lượng tiền của TCH ở mức 3,7 nghìn tỷ, tăng 90% so với thời điểm đầu năm nhờ dòng tiền tích cực từ hoạt động kinh doanh BĐS. Giá trị nợ vay là 304 tỷ đồng, tăng gần 9 lần so với cuối NĐTC 2023, phần lớn là vay dài hạn để phục vụ dự án BĐS. Chúng tôi cũng lưu ý nợ vay của TCH dựa trên nợ vay tại công ty mẹ và hợp nhất công ty con, không tính tại các công ty liên kết.

KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/NĐTC 2024 VÀ CẢ NĐTC 2024

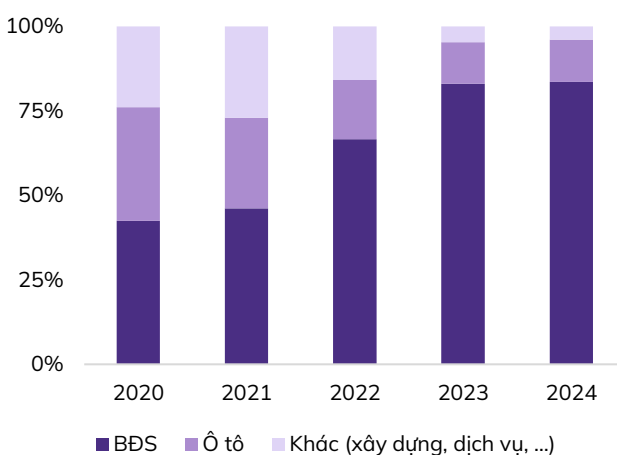
Chỉ tiêu	Q4/FY23	Q4/FY24	%YoY	FY2023	FY2024	%YoY
Doanh thu thuần	1.622	859	-47,0%	3.803	4.667	22,7%
Lợi nhuận gộp	645	356	-44,9%	1.529	1.797	17,5%
Biên LN gộp (%)	39,8%	41,4%		40,2%	38,5%	
Chi phí BH & QLDN	(139,8)	(79,1)	-43,4%	(339)	(412)	21,5%
Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT (%)	-8,6%	9,2%		8,9%	8,8%	
Doanh thu tài chính	33,4	45,4	36,0%	365,7	138,5	-62,1%
Chi phí tài chính	0,3	0,4	14,2%	(38)	(9)	-75,9%
Chi phí lãi vay	0	0	-13,4%	(34)	-	-100,0%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	539	322	-40,2%	1.518	1.515	-0,2%
Lợi nhuận trước thuế	542	321	-40,8%	1.534	1.423	-7,3%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	404,9	187,6	-53,7%	744	855	14,9%
Biên LN ròng (%)	25,0%	21,8%		19,6%	18,3%	

Nguồn: TCH, ABS Research

KQKD của TCH NĐTC 2020 – 2024 (tỷ VND)

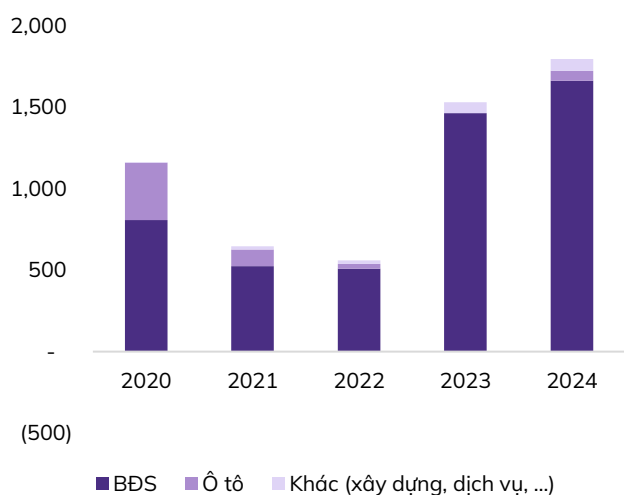


Cơ cấu doanh thu của TCH NĐTC 2020 – 2024

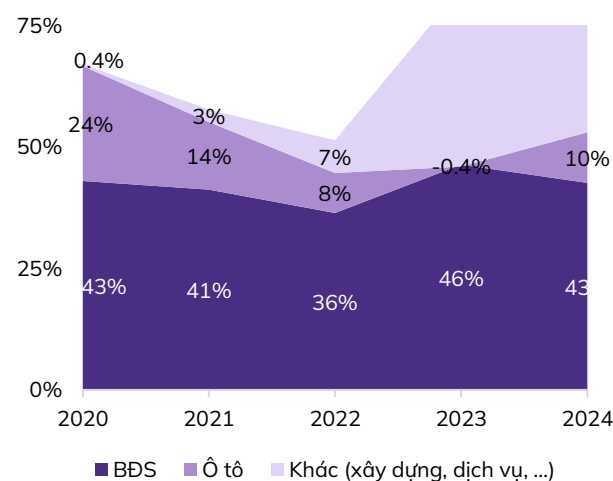


Nguồn: TCH, ABS Research

Cơ cấu lợi nhuận gộp của TCH NĐTC 2020 – 2024

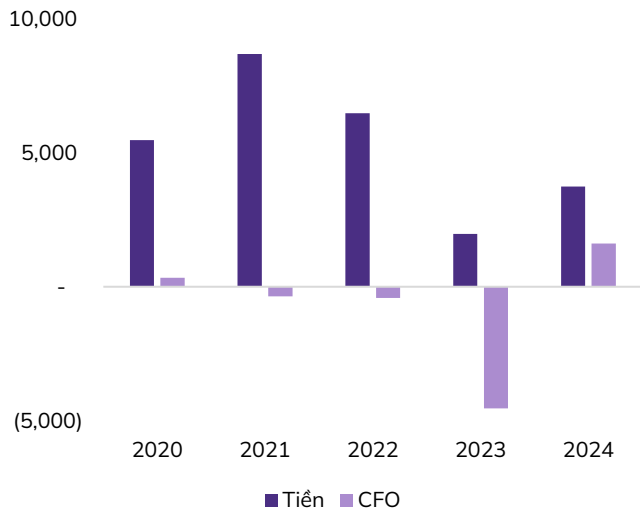


Biên lợi nhuận gộp các mảng qua các năm

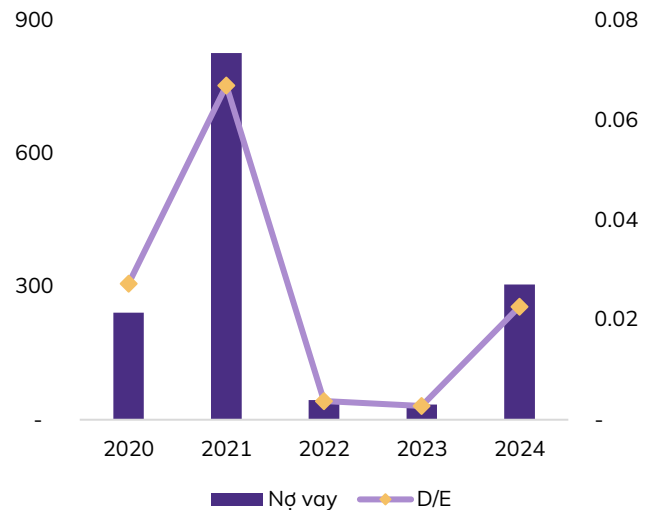


Nguồn: TCH, ABS Research

Dòng tiền NĐTC 2020 – 2024 (tỷ VND)



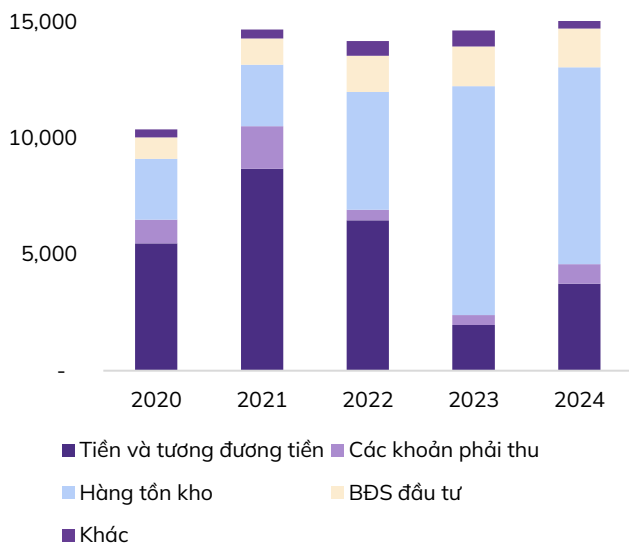
Tình hình nợ vay NĐTC 2020 – 2024 (tỷ VND)



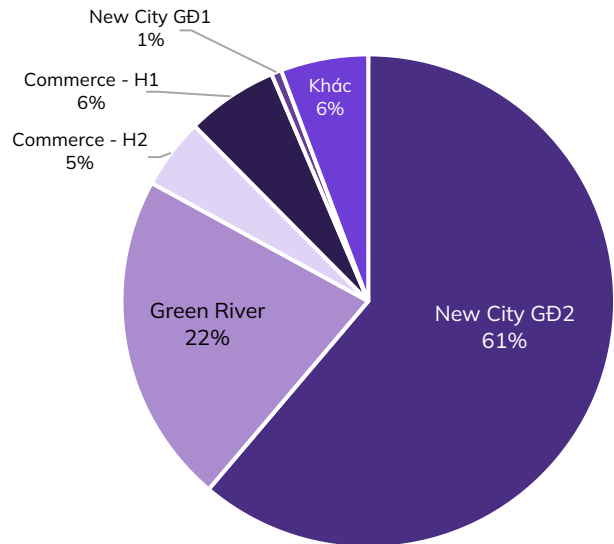
Nguồn: TCH, ABS Research

- Hàng tồn kho lớn, đảm bảo nguồn ghi nhận doanh thu thời gian tới.** Tại cuối Q4/NĐTC 2024, hàng tồn kho của TCH chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng tài sản với giá trị 8,5 nghìn tỷ đồng (chiếm 55,3% tổng tài sản), giảm 13,9% so với thời điểm đầu NĐTC 2024. Hàng tồn kho chủ yếu là giá trị của (i) các dự án BĐS dở dang 7,4 nghìn tỷ, bên cạnh (ii) thành phẩm BĐS 603 tỷ (chủ yếu là của dự án Hoàng Huy Commerce H1 – 510 tỷ; Hoàng Huy New City 56 tỷ) và (iii) HTK kinh doanh ô tô 458 tỷ. Về (i), giá trị các dự án BĐS dở dang, chủ yếu là giá trị của dự án Hoàng Huy New City GD2 (dự án Khu đô thị mới dọc đường Đỗ Mười) giá trị 5,2 nghìn tỷ; Hoàng Huy Green River 1,8 nghìn tỷ; Hoàng Huy Commerce H2 – 392 tỷ. Các dự án này sẽ được mở bán trong năm 2025 và được bàn giao trong giai đoạn tiếp theo, đóng góp lớn vào KQKD của doanh nghiệp.

Cơ cấu tài sản NĐTC 2020 – 2024 (tỷ VND)



Cơ cấu hàng tồn kho cuối NĐTC 2024 (tỷ VND)



Nguồn: TCH, ABS Research

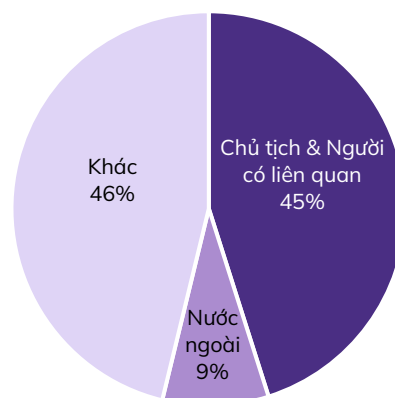
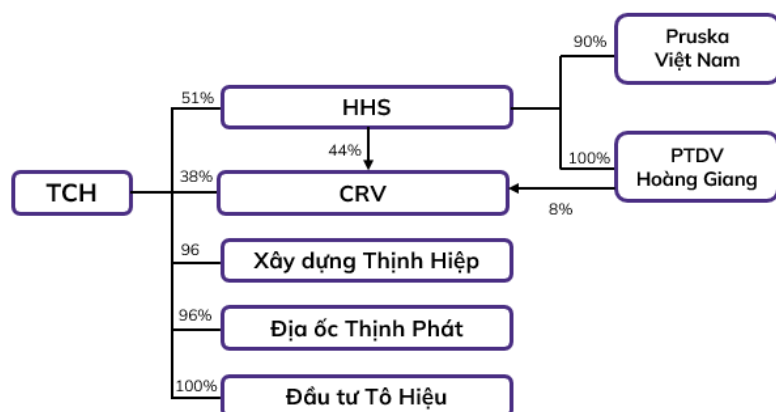
- **Chúng tôi nhận định triển vọng của TCH thời gian tới tiếp tục tích cực dựa trên các yếu tố sau:**
 - **Thị trường BĐS Hải Phòng tiếp tục tích cực với điểm nhấn mới tại Thủy Nguyên.** Thị trường BĐS Hải Phòng trong năm 2024 ghi nhận sự tăng trưởng với lượng giao dịch tăng mạnh, tập trung vào sản phẩm đất nền và chung cư. Trong năm 2025, dự kiến nguồn cung tiếp tục tăng mạnh với việc loạt chủ đầu tư BĐS “ra hàng”, giúp thị trường trở nên sôi động hơn. Ngoài ra, Hải Phòng nắm giữ vị thế là một trong những đầu tàu kinh tế của cả nước với vị trí chiến lược – cửa ngõ ra biển, trung tâm logistic quan trọng tại khu vực phía Bắc với cảng nước sâu và hệ thống cơ sở hạ tầng đường cao tốc kết nối và tiếp tục được đẩy mạnh phát triển hạ tầng trong giai đoạn 2025 – 2030. Hải Phòng, cũng nằm trong các tỉnh thu hút vốn đầu tư nước ngoài hàng đầu cả nước với số lượng lớn KCN đã và đang được phát triển. Bên cạnh đó, Thủy Nguyên (chính thức trở thành thành phố trực thuộc TP Hải Phòng từ T1/2025) dự kiến sẽ là trung tâm hành chính – chính trị mới của Hải Phòng sau khi sáp nhập thêm tỉnh Hải Dương, thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng giúp thị trường BĐS tại địa phương này tiếp tục tích cực.
 - **TCH sở hữu quỹ đất lớn, nằm tại vị trí chiến lược.** Quỹ đất của TCH tập trung tại Hải Phòng, nằm ở các vị trí đặc địa trung tâm thành phố, giá cả hợp lý nhờ giá vốn thấp (từ các hợp đồng BT trước đây). Đặc biệt, hai dự án trọng điểm thời gian tới của TCH là Hoàng Huy Green River và Hoàng Huy New City GĐ2 nằm tại TP Thủy Nguyên – trung tâm phát triển mới của TP Hải Phòng, giúp đẩy nhanh tốc độ hấp thụ các sản phẩm của dự án này.
 - **KQKD thời gian tới dự kiến tiếp tục tăng trưởng tích cực.** Trong NĐTC 2025, TCH dự kiến sẽ mở bán 2 dự án trọng điểm là Hoàng Huy New City GĐ2 và Hoàng Huy Green River còn dự án Hoàng Huy Commerce (H2) có thể mở bán từ năm 2026. Các dự án này có thể bắt đầu bàn giao và ghi nhận doanh thu từ cuối NĐTC 2025, tổng doanh thu có thể mang lại từ các dự án này đạt khoảng hơn 25 nghìn tỷ đồng, đảm bảo nguồn ghi nhận doanh thu đến năm 2028 cho doanh nghiệp.
- ABS Research dự phóng LNST cổ đông Công ty mẹ NĐTC 2025F của TCH dự kiến ở mức 950 tỷ đồng (+11% svck). EPS & BVPS 2025F dự kiến đạt 1.422 đ/cp và 16.012 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 13,6x và 4,2x lần. ROE dự kiến đạt 33,7%.

Tình hình triển khai các dự án hiện tại của TCH

STT	Dự án	Vị trí	Diện tích (ha)	Sản phẩm	Mở bán	Tình trạng dự án
Đang triển khai						
1	H1 - Hoàng Huy Commerce	Hải Phòng	2.0	Chung cư	2021	Đã hoàn thành đầu tư và đang tiếp tục bán và bàn giao các căn còn lại (đã bàn giao khoảng 80%)
2	Hoàng Huy New City (Giai đoạn 1)	Hải Phòng	8	Liên kế	2023	Đã hoàn thành đầu tư và bán hàng, đang bàn giao
3	Hoàng Huy New City (Giai đoạn 2)	Hải Phòng	49.0	Liên kế, biệt thự, shophouse, chung cư	2025	Đang xây dựng và bắt đầu mở bán
4	Hoàng Huy Green River	Hải Phòng	32.5	Liên kế, biệt thự, shophouse	2025	Đang xây dựng và bắt đầu mở bán
5	H2 - Hoàng Huy Commerce	Hải Phòng	0.5	Chung cư	2026F	Đã hoàn thành pháp lý đất đai, đang thi công móng để chuẩn bị mở bán
6	150 Tô Hiệu	Hải Phòng	1.6	Chung cư, liên kế	2027F	Đang giải phóng mặt bằng và hoàn thiện thủ tục pháp lý
Đã hoàn thành						
7	Golden Land Nguyễn Trãi	Hà Nội	2.4	Chung cư	2013	Đã hoàn thành đầu tư và kinh doanh
8	Prukca Town	Hải Phòng	20	NOXH	2015	Đã hoàn thành đầu tư và kinh doanh
9	Hoàng Huy Riverside	Hải Phòng	5.9	Liên kế, biệt thự	2018	Đã hoàn thành đầu tư và kinh doanh
10	Hoàng Huy Mall	Hải Phòng	2.4	Liên kế	2019	Đã hoàn thành đầu tư và kinh doanh
11	Hoàng Huy 2A Sở Dầu	Hải Phòng	1.0	Chung cư, liên kế	2020	Đã hoàn thành đầu tư và kinh doanh

Nguồn: TCH, ABS Research

Cơ cấu sở hữu vốn của TCH



Nguồn: TCH, ABS Research

PHỤ LỤC: KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CỦA TCH

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	2.756	2.093	3.803	4.667
Giá vốn hàng bán	(2.109)	(1.532)	(2.274)	(2.870)
Lợi nhuận gộp	647	561	1.529	1.797
Doanh thu tài chính	327	442	366	139
Chi phí tài chính	(18)	(94)	(38)	(9)
Chi phí bán hàng	(52)	(76)	(267)	(251)
Chi phí QLDN	(79)	(76)	(72)	(161)
Lợi nhuận từ HĐKD	825	757	1.518	1.515
Lãi/lỗ khác	(9)	(6.2)	15.9	(92.0)
Lợi nhuận trước thuế	816	751	1.534	1.423
Lợi nhuận sau thuế	609	480	1.243	1.121
LNST cổ đông Công ty mẹ	401	246	744	855

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
LCT thuần từ HĐKD	(354)	(423)	(4.540)	1.615
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	(2.755)	2.065	5.122	(1.020)
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	3.387	(1.947)	(459)	188
LCT thuần trong kỳ	278	(305)	123	783
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	390	668	363	486
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	668	363	486	1.268

Chỉ số tài chính	2021	2022	2023	2024
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	7,83	5,12	5,97	9,05
Khả năng thanh toán nhanh	6,28	3,01	1,25	3,26
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,39	0,15	0,23	0,87
Khả năng thanh toán lãi vay	50,99	9,60	45,85	-
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,84	0,82	0,85	0,88
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,16	0,18	0,15	0,12
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,07	0,00	0,00	0,02
Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	147,24	147,41	23,40	32,87
Số ngày phải trả	32,53	59,05	44,87	61,90
Số ngày tồn kho	454,68	916,78	1,195,00	1,164,16
Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	23,5%	26,8%	40,2%	38,5%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	29,9%	36,2%	39,9%	32,5%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	14,5%	11,8%	19,6%	18,3%
ROE	3,8%	2,1%	6,2%	6,6%
ROA	3,2%	1,7%	5,2%	5,7%
ROIC	7,5%	6,8%	12,9%	10,8%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	668	363	486	1.268
+ Đầu tư ngắn hạn	8.014	6.108	1.483	2.470
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	1.833	452	424	832
+ Hàng tồn kho	2.637	5.058	9.837	8.472
+ Tài sản ngắn hạn khác	145	304	213	193
Tài sản ngắn hạn	13.297	12.286	12.442	13.235
+ Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0	4
+ Tài sản cố định	108	171	356	355
+ Bất động sản đầu tư	1.127	1.554	1.715	1.666
+ Tài sản dở dang dài hạn	15	17	6	13
+ Đầu tư dài hạn	0	4	0	0
+ Tài sản dài hạn khác	121	145	106	33
Tài sản dài hạn	1.371	1.890	2.183	2.071

Tổng Tài sản	14.668	14.176	14.625	15.306
+ Vay ngắn hạn	256	44	33	1
+ Phải trả người bán	247	248	311	663
+ Nợ ngắn hạn khác	1.196	2.107	1.742	799
Nợ ngắn hạn	1.699	2.400	2.085	1.463
+ Vay dài hạn	570	0	1	303
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	57	121	105	91
Nợ dài hạn	627	121	106	395
Tổng nợ phải trả	2.326	2.520	2.191	1.857
+ Vốn cổ phần	6.682	6.682	6.682	6.682
+ Thặng dư vốn cổ phần	844	843	843	843
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.415	947	1.120	1.986
+ Quỹ khác	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	12.342	11.656	12.434	13.449
Tổng cộng nguồn vốn	14.668	14.176	14.625	15.306

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2021	2022	2023	2024
Tăng trưởng doanh thu	-37,6%	-24,0%	81,7%	22,71%
Tăng trưởng LNNT	-36,1%	-8,0%	104,3%	-7,3%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	-55,8%	-38,6%	202,4%	14,9%
Tăng trưởng EPS	-64,0%	-59,9%	201,3%	14,9%
Tăng trưởng VCSH	39,3%	-5,6%	6,7%	8,2%
Tăng trưởng Tổng tài sản	41,5%	-3,4%	3,2%	4,7%

Định giá (lần)	2021	2022	2023	2024
P/E	29,77	18,38	11,86	11,84
P/B	1,38	0,39	0,71	0,75
EV/EBITDA	23,23	-	7,29	8,33
EV/Sales	24,68	5,03	7,59	9,04
EPS (đồng/cp)	922	369	1.113	1.279
BVPS (đồng/cp)	19.948	17.444	18.607	20.126

Nguồn: TCH, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu - Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường - Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminhh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn



Tư hào
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây